

Bản án số: 98 /2023/HNGĐ - ST
Ngày 10/5/2023
Về việc: “Ông T xin ly hôn bà B”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và ông Nguyễn Xuân Hiếu.

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1941.

HKTT: Phòng 503 -30A, Đ, phường G, quận Đ, Hà Nội. Trú tại: Tiểu khu Phú Th, thị trấn M, huyện X, TP Hà Nội.

Và bị đơn: Bà Ngô Thị Phương Bn, sinh năm: 1976.

HKTT: Tiểu khu Phú Th, thị trấn M, huyện X, TP Hà Nội. Trú tại: Thôn Nh, xã Tr, huyện X, TP Hà Nội.

Ông T có mặt, bà B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

+ *Về hôn nhân:* Ông và bà Ngô Thị Phương B, tự nguyện kết hôn ngày 06/8/2005. Đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Minh, đây là lần kết hôn thứ hai của ông. Sau khi cưới, quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, phần vì không hợp tính, bất đồng quan điểm phần do tâm lý, tuổi tác chênh lệch, nên không hiểu nhau. Ông bà chính thức ly thân, từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hạnh phúc không có, ông đề nghị được ly hôn bà B.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 01 cháu là Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 22/7/2004 và cháu đã trưởng thành, nên không đề nghị Tòa xét.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Ông T không đề nghị Tòa xét.

Phía bị đơn tại các lời khai bà Ngô Thị Phương B trình bày:

+ *Về hôn nhân*: Bà và ông T tự nguyện kết hôn từ ngày 06/8/2005 và đã có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn chỉ xảy ra khoảng từ 03 – 04 năm nay do hai bên không hiểu và thông cảm cho nhau. Ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay, ly hôn là tất yếu, song bà chỉ đồng ý ly hôn nếu ông Toán làm thủ tục tặng cho hoặc di chúc tài sản là nhà và đất ở của ông T cho con chung của ông bà.

Về con chung: Bà B xác nhận vợ chồng có 01 cháu là Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 22/7/2004 và đã trưởng thành, không đề nghị Tòa xét.

+ *Về tài sản chung vợ chồng*: Dù mong muốn ông T làm thủ tục tặng cho hoặc di chúc tài sản là nhà và đất ở mà ông T có trước hôn nhân cho cháu Khánh, song nếu ông T không nhất trí thì bà cũng không đề nghị Tòa xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản.

Tại phiên tòa: Ông Toán giữ nguyên quan điểm về việc kiện.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:

Về Tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử ông Nguyễn Quốc T được ly hôn bà Ngô Thị Phương B. Không xét quan hệ con chung và tài sản chung vợ chồng. Ông Toán phải nộp án phí LHST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Về thẩm quyền:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự đều trú tại huyện Phú Xuyên, nên việc Tòa án

nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc bị đơn vắng mặt tại Tòa án: Quá trình giải quyết việc kiện, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bà B vắng mặt. Vì vậy, theo quy định của các điều 227, điều 228 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vắng mặt bà Ban.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:* Ông Nguyễn Quốc Toán kết hôn với bà Ngô Thị Phương B từ ngày 06/8/2005, là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên. Như các bên xác nhận, sau khi cưới, họ về chung sống với nhau và có hơn 10 năm hòa thuận, phải đến năm 2015 thì các bên mới phát sinh mâu thuẫn, do không hợp tính, bất đồng quan điểm, không có niềm tin ở nhau, dẫn đến việc ly thân từ năm 2019 đến nay. Bản thân bà Ban thì chuyển vào địa bàn xã Quang Trung, huyện Phú Xuyên ở, làm ăn tại đây. Nay ông T xin ly hôn, các bên đều xác nhận tình cảm không còn và ly hôn là chuyện tất yếu phải xảy ra, mặc dù bà Ban chỉ thuận tình nếu ông Toán làm thủ tục tặng cho hoặc thừa kế tài sản của ông cho cháu Khánh, chứ không phải trên cơ sở là tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thể hàn gắn được. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên bên đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã hơn 03 năm, nên cần áp dụng các quy định của điều 39 BLDS, các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho ông T được ly hôn bà B.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc Kh; sinh ngày 22/7/2004. Các bên xác nhận cháu khánh đã trưởng thành, không đề nghị Tòa xét, nên không xét

[4]. *Về Tài sản chung, công nợ của vợ chồng:* Phía ông T, bà B không yêu cầu Tòa xét. Riêng bà B trình bày nguyện vọng, mong muốn được ông Toán làm thủ tục di chúc hoặc tặng cho tài sản của ông T là nhà, đất ông T có trước thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, nếu ông Toán không đồng ý, thì bà B cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, phía ông T đã từ chối đề xuất này của bà B. Vì vậy, Tòa không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này, nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu, thì Tòa án sẽ giành quyền khởi kiện trong 01 kiện độc lập khác, để không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như quyền lợi của các bên trong việc kiện.

[5]. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Ông Toán phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T

1- **Về tình cảm:** Ông Nguyễn Quốc T được ly hôn bà Ngô Thị Phương B.

2 - **Về con chung:** Con chung là Nguyễn Quốc K; sinh ngày 22/7/2004 đã trưởng thành. Các bên không đề nghị Tòa xét, nên không xét.

3 - **Về tài sản chung vợ chồng:** Các bên không đề nghị Tòa xét, nên không xét.

4 - **Về án phí:** Ông Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0048127 ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Ông T đã nộp đủ án phí LHST.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TATP Hà Nội
- VKSND huyện
- Sở Tư pháp
- UBND xã TT Phú Minh
- Chi cục THADS
- Các ĐS
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Quang